

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-PT

Ngày: 24/03/2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
lâm nghiệp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như
Ông Ngôn Ngọc Viên

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLPT-DS ngày 13/10/2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1950;

Địa chỉ: Xóm R, xã S, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

-Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sầm C; Địa chỉ: Tổ z, phường T thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ
– Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Đ.

Địa chỉ: Số nhà xx, tổ 22, phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
Có mặt.

- Bị đơn: Bà Mã Thị B; sinh năm: 1957;

Địa chỉ: Xóm R, xã S, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện F, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bế Đăng E – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện F, tỉnh Cao Bằng; Người được ủy quyền: Ông Lục Minh G – Phó phòng Tài nguyên môi trường (Theo văn bản ủy quyền số 847 ngày 27/8/2020).
Vắng mặt có lý do.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y, người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn H – Chức vụ - Giám đốc; Địa chỉ: Nam Phong 1 xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Người được ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc I – Tổ trưởng tổ bảo vệ phát triển rừng Công ty TNHH Y (Giấy ủy quyền số 26/GUQ-CT ngày 30/6/2020); Ông Chương có mặt.

3. Hạt kiểm lâm huyện F tỉnh Cao Bằng – Đại diện theo pháp luật: Ông Nông Văn K – Chức vụ: Hạt trưởng; ủy quyền cho ông Nông Văn L – Chức vụ: Kiểm lâm viên, ông Hải có mặt.

4. Ông Hoàng Văn M, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Xóm R, xã S, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

5. Ông Vương Sầm N,

Địa chỉ: Xóm R, xã S, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Đàm Văn O, sinh năm: 1964;

2. Bà Hoàng Thị P, sinh năm: 1960;

3. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1970;

Cùng địa chỉ: Xóm R, xã S, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Những người làm chứng đều có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2020, bản tự khai và phiên hòa giải nguyên đơn Bà Nguyễn Thị A trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Trước năm 1994 là đất chung của Lâm Trường, sau năm 1994 nhà nước có chính sách giao đất cho dân quản lý, sử dụng đất Lâm nghiệp, nên gia đình tôi đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) xã S và Ủy ban nhân dân huyện F đã ban hành quyết định số 330/QĐ – UB ngày 17/3/1997 giao rừng và đất Lâm nghiệp để quản lý sử dụng lâu dài

thuộc Khoảnh IV tại lô 26 diện tích 22.000 m² tại địa điểm xóm Bản Tấn, xã S, huyện F, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình sử dụng đất: Từ năm 1997, sau khi nhận đất rừng theo quyết định gia đình tôi đã quản lý đất rừng và cây rừng trên đất, đồng thời còn trồng thêm cây rừng mới gồm thông và sa mộc theo nội dung Hợp đồng với ban quản lý Dự án 5 triệu Ha rừng, hợp đồng số: 1241/HDDA ngày 10/01/1999 về giao khoán quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Khi trồng cây tôi đã trồng đến hết ranh giới đất được giao, thuộc quyền quản lý sử dụng của mình tại lô đất số 26, tuy nhiên phần đất tranh chấp bây giờ lý do trên đất không có cây sa mộc là do thời điểm mới trồng đã bị trâu ăn mất.

Về nguyên nhân tranh chấp: Do bà B tự cho đất và cây rừng có diện tích khoảng 1000 m² là của bà B (là diện tích nằm trong lô đất 26 của tôi) nên ngày 26/12/2019 bà B tự ý cho người đến khai thác gỗ trên đất rừng của tôi dẫn đến tranh chấp, khi gia đình tôi ngăn cản thì bị bà B, con gái, con rể có hành vi chửi bới, lăng mạ, sử dụng hung khí dao đe dọa chém, giết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án căn cứ với những trình bày trên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi. Tôi không nhất trí thỏa thuận với gia đình bị đơn, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn M.

Tại Bản tự khai ngày 07/5/2020 và tại phiên hòa giải, bị đơn bà Mã Thị B trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của Bố chồng bà để lại, năm 1991 tôi đã làm nhà và trồng hoa màu. Năm 1999, chú Hoàng Văn M thay mặt gia đình ký kết Hợp đồng quản lý bảo vệ và phát triển rừng với Ban quản lý dự án 5 triệu ha rừng Nam F, diện tích nhận là 5, 5 ha, tại lô 27a, 27b khoảnh IV để trồng rừng mới là 0,2 ha, bảo vệ rừng là 3,5 ha. Khi nhận đất, được nhận theo giồng đồi và đã đào hào ngăn cách và con trai bà A đã trồng cây thông, sa mộc ngăn cách, nhưng giờ bà A tranh chấp sang bên tôi, tôi không nhất trí. Tôi chỉ đồng ý thỏa thuận khi theo ranh giới của đường hào gia đình hai bên đã đào.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện F trình bày:* Đất đang tranh chấp hiện nay các quyết định giao đất lâm nghiệp, hợp đồng giao đất vẫn còn hiệu lực pháp luật, về việc giao đất thì phía bị đơn cần phải có đơn kê khai và hồ sơ đăng ký theo quy định, tuy nhiên đất hiện đang tranh chấp nên không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 30/6/2020, Đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Quang Minh - Ông Hoàng Quang Minh - Giám đốc, người được ủy quyền ông Đoàn Ngọc I xác nhận:* Công ty TNHH Quang Minh được nhận bàn giao diện tích rừng với Công ty TNHH Lâm nghiệp

Cao Bằng theo biên bản bàn giao ngày 02 tháng 4 năm 2010, nhưng người dân vẫn quản lý trồng cây theo hợp đồng của Ban quản lý dự án 5 triệu ha rừng Nam F. Nay hai bên tranh chấp về quyền sử dụng đất rừng, hai hộ nên thỏa thuận với nhau dựa trên các hợp đồng đã được ký kết để giải quyết vụ án.

- *Tại các Biên bản hòa giải của xóm, xã xác nhận:* Phần đất tranh chấp hiện đã có đường hào ngăn cách, trên đất của hộ gia đình bà A có trồng thông, sa mộc và cây rừng tự nhiên, còn trên đất nhà bà B chỉ có cây thông và rừng tự nhiên nên đề nghị hai bên lấy đường hào làm ranh giới chung.

- Kết quả xác minh:

1. Tại Biên bản xác minh ngày 18/5/2020 tại nhà riêng ông Đàm Văn O, sinh năm 1964, tại xóm R, xã S xác nhận: Ông không có quan hệ họ hàng với cả hai bên nguyên đơn, bị đơn. Về nguồn gốc đất, trước thời kỳ Hợp tác xã (HTX) không ai quản lý, sau tan HTX thì ông Hoàng Văn Sâm (Bố chồng của bị đơn bà Mã Thị B) quản lý. Thời điểm bà A nhận đất Lâm nghiệp tôi không biết cụ thể, tôi chỉ biết trên đất bà A có trồng cây thông và cây sa mộc, còn trên đất ông Sâm, nay là đất của ông M, ông Tẹo là trồng cây thông và cây keo, rừng tự nhiên. Về đường hào ngăn cách tôi được chứng kiến con trai cả bà A là Hiếu cùng ông Tẹo chồng bà B cùng nhau đào hào ngăn cách.

2. Tại Biên bản xác minh ngày 18/5/2020 tại nhà riêng bà Hoàng Thị P, sinh năm 1960, tại xóm R, xã S xác nhận: Bà có quan hệ với hai bên đương sự là cô ruột, về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho hai cháu M, Tẹo, có tên gọi là giồng đồi khuổi mò. Nguồn gốc đường hào đoạn cuối do ông Tẹo và Sầm Văn Hiếu con trai cả bà A cùng nhau đào, thời điểm đào hào là năm 1994, lúc đó ông Hoàng Văn Sâm còn sống đến năm 2006 mới chết. Năm 1996 – 1997 nhà bà A được Lâm trường giao đất, nên việc giao đất của Lâm trường không thể chồng lấn lên đất của nhà tôi được, nay tôi xác nhận là đường hào ranh giới đoạn bên trên có trước khi bà A được cấp đất.

3. Tại Biên bản xác minh ngày 18/5/2020 của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970, trú tại: xóm R, xã S xác nhận: Ông có quan hệ họ hàng với cả hai bên đương sự, về nguồn gốc đất tranh chấp, sau tan HTX tôi có làm rẫy cạnh đó, về đường hào ngăn cách tôi chỉ biết hào ngang còn hào dọc thì tôi không biết, về trồng cây trên đất, tôi thấy hộ bà A đã trồng thông và sa mộc hết phần đất của mình.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bị đơn cung cấp thêm tài liệu chứng cứ của thôn xóm và các nhân chứng Bà Bôi, bà Thới, ông Lực, ông Thuật đều trú tại xóm R, xã S xác nhận bị đơn bà

Mã Thị B được bố chồng phân chia đất rẫy, rừng tại khu vực tranh chấp, và ông Tèo chồng bà B đã làm rẫy và trồng rừng, làm nhà ở từ năm 1991 đến nay.

Các nhân chứng vẫn giữ nguyên lời trình bày tại các biên bản xác minh ngày 18/5/2020 và khẳng định một phần đất tranh chấp trước HTX có nhiều hộ dân canh tác, trong đó có hộ ông Sâm bố chồng bà B, sau tan HTX đất ai người đó quản lý.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết Ranh giới đất nhà bà phải là ở vị trí 02 theo bản đồ đo vẽ tháng 06/2020, mốc tính từ góc bếp nhà bà B kéo thẳng lên đến đỉnh đồi, diện tích đất tranh chấp khoảng 1000 m².

Bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị giữ nguyên ranh giới đất hiện nay là vị trí 01 có đường hào ngăn cách.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn Luật sư ông Nguyễn Đ trình bày bản luận cứ:

Về nguồn gốc đất tranh chấp bà A có Quyết định giao đất của Ủy ban nhân dân huyện F cấp năm 1997, bà A cũng đã trồng cây hết đất tranh chấp, và khi giao đất bà A đã được nhận đến vị trí 02 sau nhà bà B, về sơ đồ đo đạc đã có nhiều khác biệt so với thực tế ranh giới đất các bên thực tế đang quản lý. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia đôi phần đất tranh chấp mỗi bên một nửa.

Bị đơn bà Mã Thị B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M không nhất trí với bản luận cứ của luật sư và chỉ nhất trí ranh giới đất tranh chấp ở vị trí 01.

Tại bản án số 02/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 các Điều 35, 39; Các Điều 147, 157, 232, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 247 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 các Điều 2, 3, 6, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Của Luật đất đai năm 1993; các Điều 5, 12, 52, 53, 125, 135 của luật Đất Đai năm 2013; Các Điều 34, 35 Luật bảo vệ và phát triển rừng; Các Điều 73, 74 Luật Lâm nghiệp.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A đối với 1000 m² đất đang tranh chấp.

Bị đơn bà B, ông M tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất đã được nhận theo Hợp đồng giao đất, bà B sẽ làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất rẫy theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2020, nguyên đơn Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm không xác định được phần đất tranh chấp 1000m² thuộc về ai, ai là người lấn chiếm, việc áp dụng Điều luật không đúng đối tượng, thiếu chính xác, chưa đủ căn cứ nhưng bác đơn của bà Nguyễn Thị A.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị A, ông Sầm C và (Luật sư Nguyễn Đ trình bày) Giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia đôi phần đất tranh chấp cho mỗi bên.

Tại phiên Tòa Phúc thẩm, bà Mã Thị B trình bày Giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông Hoàng Văn M giữ nguyên lời khai tại cấp sơ thẩm, ông xác nhận phần đất tranh chấp là phần đất ông và ông Tèo chồng bà B đã phân chia quản lý sử dụng, nay ông không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp, ông đồng ý để bà B tiếp tục được quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vương Sầm N trình bày, anh biết mẹ anh bà Nguyễn Thị A khởi kiện tranh chấp đất rừng với bà Mã Thị B, anh đồng ý với việc mẹ anh đứng đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Chi cục Kiểm Lâm huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng trình bày: Khu đất tranh chấp nằm phía sau nhà bà Mã Thị B là khoảng giữa của lô 26 và lô 27, 27a, đất rừng đã giao cho các bên quản lý sử dụng, không nằm trong lô 26 hoặc 27. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị A, bà Mã Thị B, ông Hoàng Văn M đều trú tại xóm R, xã S, Hòa An, Cao Bằng. Bà A khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Quyền sử dụng đất lâm nghiệp” và thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa An theo khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Ngày 27 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo gửi đến Tòa án. Đơn kháng cáo được gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy kháng cáo của đương sự là hợp pháp. Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm làm đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật:* Quyết định số 330/QĐ-UB ngày 17/3/1997 của UBND huyện Hòa an tỉnh Cao Bằng “*V/v; Giao rừng và đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển sản xuất kinh doanh về lâm nghiệp*” cho bà Nguyễn Thị A đại diện hộ gia đình được sử dụng lâu dài, bà A sử dụng quyết định trên làm căn cứ khởi kiện vụ án. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm không đưa thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm được giao đất là ông Vương Sầm N vào tham gia tố tụng là thiếu sót, ngoài ra ở phần quyết định của bản án chỉ ghi bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoảng 1000m² đất có tranh chấp trong khi đó kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1569m², không ghi số thửa, bản đồ địa chính, địa chỉ khu đất tranh chấp là chưa cụ thể khó cho việc thi hành án, bên cạnh đó căn cứ vào thời gian, quá trình quản lý sử dụng đất, cấp sơ thẩm vận dụng điều 247 của Bộ luật dân sự năm 2005 về căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với vật vô chủ, vật không xác định được ai là chủ sở hữu và điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015 có thời gian quản lý 30 năm đối với bất động sản là chưa chính xác, do đó cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] *Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn.*

Nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị A: Bà A cho rằng bản án sơ thẩm chưa xác định được hai vấn đề cơ bản, đó là phần đất tranh chấp thuộc về ai, ai là người lấn chiếm của người khác. Việc áp dụng các điều luật của Tòa án sơ thẩm là không đúng đối tượng, thiếu chính xác và chưa đủ căn cứ bác đơn của bà Nguyễn Thị A,

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên thừa nhận là đất lâm nghiệp được giao theo quy định của pháp luật, có Quyết định giao đất và hợp đồng rõ ràng.

HĐXX thấy rằng:

Về quá trình quản lý sử dụng thực tế đối với phần đất tranh chấp: Căn cứ vào Biên bản thẩm định, thực địa đất tranh chấp, sơ đồ đo vẽ ngày 18/5/2020 và các lời trình bày của những người làm chứng thôn, xóm, đã chứng minh rằng hiện trạng đất tranh chấp đã có ranh giới rõ ràng, phần đất thuộc quyền sở hữu của bà A có cây thông, cây sa mộc và cây rừng tự nhiên, còn diện tích khoảng 1000 m² (diện tích thực tế đo thẩm định là 1569m²) đất tranh chấp một phần thuộc đất rẫy, cỏ mọc hiện gia đình nhà bà Mã Thị B quản lý, thời gian quản lý từ năm 1991 liên tục đến nay, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại là đất lâm nghiệp nằm trong phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Mã Thị B.

Về quá trình quản lý sử dụng đất: Có cơ sở xác định của thôn xóm và những người làm chứng Bà Bôi, bà Thới, ông Lực, ông Thuật đều trú tại xóm R, xã S xác nhận bị đơn bà Mã Thị B được bố chồng phân chia đất rẫy, rừng tại khu vực tranh chấp, và ông Tẹo chồng bà B đã làm rẫy và trồng rừng, làm nhà ở từ năm 1991 đến nay. Tại phiên tòa đại diện Chi cục Kiểm Lâm huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng xác nhận khu đất tranh chấp nằm phía sau nhà bà Mã Thị B là khoảng giữa của lô 26 và lô 27, 27a đất rừng đã giao cho các bên quản lý sử dụng, không nằm trong lô 26 hoặc 27.

Từ những phân tích và nhận định trên HĐXX thấy rằng bà A không được quản lý, sử dụng trên phần đất tranh chấp, đã sử dụng trồng rừng hết phần đất được giao, không có giấy tờ chứng minh quyền được sử dụng trên phần đất tranh chấp. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận cho yêu cầu được quản lý, sử dụng trên phần đất tranh chấp này. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà A là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà A không cung cấp chứng cứ tài liệu chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.800.000đ theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ và tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ khoản 1 các Điều 2, 3, 6, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Của Luật đất đai năm 1993; các Điều 5, 12, 52, 53, 125, 135 của luật Đất Đai năm 2013; Các Điều 34, 35 Luật bảo vệ và phát triển rừng; Các Điều 73, 74 Luật Lâm nghiệp; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A đối với 1000 m²; (diện tích thực tế khi thẩm định tại chỗ là: 1569m² ranh giới giữa hai thửa 26 và thửa 27b khoảnh IV) đất đang tranh chấp tại xóm Hạnh Phúc, Xã Hoàng Tung huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn bà B tiếp tục được quản lý, sử dụng phần đất đã được nhận theo Hợp đồng giao đất, bà B có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất rẫy theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng số: AA/2018/0001413 ngày 11/3/2020 và biên lai số AA/2018/0001472 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Bà Nguyễn Thị A phải chịu tiền chi thẩm định tại chỗ là 3.800.000đ. Xác nhận nguyên đơn đã chi khoản tiền trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện Hòa An;
- TAND huyện Hòa An;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam

